

DÒNG TỘC SANJAYA VÀ VƯƠNG TRIỀU MATARAM Ở JA VA

NGÔ VĂN DOANH*

Ngay từ giữa thế kỷ VIII, tại vùng phía nam của Trung Java đã xuất hiện một vương triều hùng mạnh- vương triều Mataram- do một tù trưởng có tên là Sanjaya lập nên. Tài liệu sớm nhất cho biết về Sanjaya và vương triều Mataram là bia ký Canggal có niên đại năm 732. Bia ký nói tới việc Sanjaya dựng một linga trên núi để ca tụng các thần Siva, Brahma và Visnu và để cầu khẩn sự bất tử. Trong bia ký, Sanjaya được coi là đại diện gần gũi hiện sống lúc đó của các tổ tiên trên đảo Yavadvipa và là người bảo trợ cho “thánh địa thờ thần Siva”. Bia ký còn cho biết, sau đó, Sanjaya đã chinh phục vua (raja) láng giềng và đem lại hoà bình và thịnh vượng cho mọi người. Về những sự việc trên, bia ký viết: “... Đức vua có tên là Sri Sanjaya, con trai những thủ lĩnh của Yavadvipa, được các nhà hiền triết tinh thông các trước tác của Ấn Độ tôn sùng. Ngài đã chinh phục được rất nhiều quốc vương láng giềng và vinh quang của ngài rực rỡ như vầng dương toả sáng bốn phương. Ngài trị vì mảnh đất có sông đại dương bao quanh và có núi vượn cao...”⁽¹⁾.

Một bia ký bằng chữ Sanskrit có niên đại năm 960 ghi lại việc một vị vua có tên là Gajayana, con trai của vua Devasingha - người trị vì đô thành (pura hay kraton) Kanjuruhan ở vùng cao nguyên trù phú được bao quanh bởi bốn quả núi lửa ở thượng lưu sông Brantas, đã cho xây một ngôi đền thờ vị hiền triết Ấn Độ Agastya⁽²⁾. Các nhà nghiên cứu cho rằng, Gajayana thuộc dòng Sanjaya đã phải bỏ chạy tới vùng thượng Brantas ở Đông Java ngay sau năm 732 để tránh vương triều Phật giáo Sailendra. Thế nhưng, tại Trung Java, vương triều Sailendra vẫn dựa vào các chúa đất Java, những hậu duệ của Sanjaya, để trị vì đất nước. Và, đến thế kỷ IX, để củng cố quyền lực đã bị suy yếu, đại vương Samaratunga của Sailendra đã phải gả cô con gái Paramodavardhani của mình cho con trai của Gagung, thủ lĩnh của dòng tộc Sanjaya. Hiển nhiên là, cuộc hôn nhân đã mang lợi ích đến cho cả hai dòng tộc. Thế nhưng, cuộc hôn nhân này đã trở thành cái mồi quan trọng đối với sự hưng khởi của Mataram.

* PGS.TS.Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Sau khi Samaratunga mất, vị hoàng tử trẻ Balaputra của Sailendra, dù đã lên ngôi vua thay cha, không được giới quý tộc Java chấp nhận và phải đối mặt với sự bất tuân phục và những cuộc nổi dậy âm ỉ của các chúa đất người Java. Trước tình thế như vậy, Balaputra buộc phải chấp nhận thủ lĩnh Gagung của Sanjaya làm giám hộ. Dưới sự nhiếp chính của Gagung, tình hình yên bình trở lại và nền hoà bình được giữ cho đến năm 838, khi vị nhiếp chính thôi nhiệm vụ. Trong thời gian Gagung nhiếp chính, đạo Hindu được phục hồi và, có thể, quần thể kiến trúc Hindu giáo tại ngôi làng Prambanan bắt đầu được khởi công xây dựng.

Con trai của Gagung, hoàng tử Rakai Pikatan, con rể của Samaratunga, lại là người đầy tham vọng. Không chỉ không chấp nhận quyền lực của em vợ, mà Pikatan còn muốn sử dụng sự hỗ trợ của các chúa đất Java để lật đổ vị tân vương Balaputra. Và, vào năm 856, lực lượng của Balaputra bị Pikatan đánh bại; còn Balaputra phải bỏ chạy tới quê mẹ ở Palembang. Thế là, sau cả một thế kỷ ngự trị của dòng tộc bên ngoài, Trung Java lại trở về với dòng tộc Sanjaya. Từ bài bia ký năm 856, người ta xác định được rằng, Rakai Pikatan đã lập Kraton (đô thành) của mình ở Medang (hoàng cung nằm ở vùng quê Mamrati. Mà, trong nhiều bia ký sau này, địa danh Medang thường xuất hiện kết hợp với cụm từ "I bhumi Mataram" (ở vùng quê Mataram). Còn, từ khi xuất hiện lần đầu trong bia ký năm 819, thì cái tên Mamrati được quy cho là nơi của Gagung. Do vậy, Mataram chính là quê hương của dòng tộc Sanjaya. Rồi thì, việc bia ký năm 732 của Sanjaya được tìm

thấy ở vùng Wukir cũng phần nào chứng tỏ Medang nằm ở vùng Wukir (nơi vẫn còn một ngôi làng mang tên Medangan)⁽³⁾.

Các bia ký sau thời Pikatan, đặc biệt là bia ký có niên đại năm 907 của vua Balitung đã liệt kê gần như toàn bộ phả hệ các thủ lĩnh Sanjaya. Theo nghiên cứu của Stutterheim, thì bảng phả hệ đó là:

- Rakai Mataram Sang Ratu Sanjaya 732- 760

- Rakai Panangkaran 760- 780

- Rakai Panunggalan 784

- Rakai Warak 800- 819

- Rakai Garung 819- 838

- Rakai Pikatan 838- 851

- Rakai Kayuwangi hay còn có tên là Sajjanotsavatunga 863-882

- Rakai Watuhumalang 869

- Rakai Watukura dyah Balitung 899- 910

Một số bia ký khác còn cho biết về sự tồn tại của ba vị vua khác mà trong bia ký của Balitung không có:

- Lokapala 856- 860 (thường được đồng nhất với Kayuwangi)

- Rakai Gurunwangi 887 (có thể là người chống đối hay một thủ lĩnh độc lập)

- Rakai Limus Dyah Davendra 890 (có thể là người cai quản độc lập Đông Java)⁽⁴⁾.

Nhiều bia ký của các vị vua này đều đã cầu khẩn để nhận được "sự bảo vệ từ những vị thần bảo hộ ở Kraton của Đại Vương xứ Medang thuộc vùng Mataram". Những bia ký này khẳng định thêm cho bia ký của Rakai Pikatan về các địa danh: tên vùng lãnh thổ của vương quốc là Mataram và tên thủ đô là Medang. Trên cơ sở nghiên cứu các bia ký, H. Kulke đã

cho rằng, cấu trúc của Mataram hầu như hoàn toàn giống với mô hình của Srivijaya⁽⁵⁾: trung tâm của vương quốc là Kraton được các thần linh tổ tiên bảo hộ. Kraton của vua Mataram nằm ở thủ đô có tên là Medang. Vì thuộc mô hình của một xã hội nông thôn đương thời, nên thủ đô của vương quốc không phải là một trung tâm đô thị thực thụ mà chỉ là một ngôi làng lớn. Đô thành được bao quanh bằng cả một vùng lãnh thổ của các *desa* (làng) hoặc *watek* (xã) của các chúa đất. Thể chế chính quyền được cấu thành từ các địa vực hành chính trên được gọi là *Bhumi*. Mô hình nguyên thủy của thể chế trên có thể bắt nguồn từ Srivijaya, thế nhưng, ở Mataram, đã cho thấy không ít những tiến bộ, đặc biệt là trong sự gắn kết một cách thống nhất giữa các chúa đất với triều đình trung ương. Nghĩa là, các chúa đất, tuy vẫn làm chủ lãnh địa của mình và sống bằng nguồn thu nhập của mình, nhưng, giờ đây đã trở thành các quan lớn trong triều. Có thể, chính vì có sự gắn kết thống nhất này, mà, khác hẳn với Srivijaya, các bia ký của Mataram không hề nói tới các thể chế tự trị hay bán tự trị kiểu Mandala hay các cương vị tù trưởng như thường phổ biến ở Srivijaya. Đặc trưng trên đã được khẳng định thêm trong các sử liệu Trung Quốc. Ví dụ, Đường Thư, khi nói về hai sứ đoàn đến từ Chopo vào các năm 860 và 873, đã mô tả vương quốc này như sau: “*có tới hơn 28 tiểu quốc, nhưng tất cả đều công nhận quyền tối cao của Chopo. Có 32 vị quan lớn trong triều, và, đứng đầu là Ta-tsa-kan-hiong.*” Hơn 28 tiểu quốc, mà sử sách Trung Quốc ghi, chính là những lãnh địa do tổ tiên để lại của những chúa đất phục tùng, những chư hầu của Sanjaya, và,

điều này đã khiến cho số quan lớn trong triều nhiều hẳn lên.

Thế nhưng, đoạn dẫn sau đây rút từ Đường Thư lại cung cấp các thông tin khác về Mataram: “*họ xây những công sự bằng gỗ. Ngay những ngôi nhà lớn của họ cũng được lợp bằng lá cọ. Họ dùng những chiếc giường bằng ngà voi và những chiếc chiếu bằng tre. Đất nước này có những sản vật như vỏ sò, vàng, bạc, sừng tê giác và ngà voi. Họ có văn tự và có kiến thức về thiên văn. Một số cô gái có độc; khi ai đó mà quan hệ ăn nằm với họ thì người đó sẽ bị lở loét và chết...*”. Đoạn ghi chép trên là một bằng chứng cho biết, dù Kraton có vị trí quan trọng như một trung tâm quyền lực, thế nhưng, các công trình xây dựng ở đây hiếm khi thọ được qua một thế hệ vì vật liệu xây dựng gỗ tre, nứa lá không thể chịu đựng lâu được với khí hậu nhiệt đới. Hơn thế nữa, các Kraton lại luôn di dời và xây dựng lại nhiều lần trong vùng lãnh địa của vua. Những dấu tích những nền móng bằng đá của một Kraton quan trọng tên là Ratu Boko trên vùng cao nguyên, cách Prambanan 3km về phía nam là một cứ liệu quan trọng để tìm hiểu cấu trúc một hoàng cung của Java đương thời. Tổng thể Ratu Boko bao gồm nhiều tầng bậc, nhiều đền thờ, nhiều nơi tắm rửa và những hang khoét nhân tạo để làm chỗ thiền định. Tất cả các công trình trên được bảo vệ bằng các thành lũy và các bức tường bằng đá. Khá nhiều bia ký đã được tìm thấy ở đây⁽⁶⁾: năm bia ký bằng chữ tiên Negari mô tả việc xây dựng ngôi đền Phật giáo thờ Bồ Tát Avalokitesvara; một bia ký nói về việc xây dựng một tu viện Phật giáo chưa rõ nguồn gốc; ba bia ký bằng chữ Kawi có niên đại 778 Saka (856

CN.) nói về việc dựng hai linga; một bia ký không có niên đại thông báo về việc một vị vua ít tiếng tăm tên là Kalasobhadwa cho dựng một linga có tên là Hara. Những bia ký đã được tìm thấy này đã khẳng định rằng, nơi đây (Ratu Boko) đã có từ trước khi Rakai Pikatan chiến thắng Balaputra và cũng cho biết rằng, triều đình Ratu Boko bao dung trong mình cả hai cộng đồng Phật giáo và Siva giáo.

Ngoài Medang, một thủ đô rõ ràng là không lớn hơn một ngôi làng lớn, hay lãnh địa của vương triều Sanjaya, không có một tài liệu nào nói về các đô thị khác đã từng tồn tại vào thời đấy. Dân cư của miền Trung Java thời đó chắc chắn là đã sống rải rác trong vô vàn làng quê to nhỏ khác nhau trong vương quốc. Và, các làng quê tập trung xung quanh các Kraton và các quần thể đền thờ chính đã phải có số dân đông đúc hơn. Những làng quê này đã tạo ra một loạt các vùng đất cư trú nằm dọc theo đôi bờ các con sông tại các vùng cao nguyên trù phú Kedu, Magelang, Wonosobo và các vùng đất nằm về phía bắc và phía đông của Yogyakarta ngày nay, những nơi mà rất nhiều tấm bia ký bằng đá và những dấu tích đền thờ đã được tìm thấy⁽⁷⁾.

Từ tất cả các nguồn tài liệu, các nhà khoa học cho rằng, các vua Sanjaya đã nhanh chóng mở rộng quyền uy của mình sang Đông Java. Tiến trình chính trị trên của Mataram được thúc đẩy bởi sự kết hợp của: 1. Ước muốn thu lợi từ những cơ hội buôn bán mà bờ biển đông-bắc và vùng châu thổ Branta đem lại; và 2. sự cần thiết phải tìm những vùng đất mới để sinh sống vì Trung Java luôn bị những trận động đất đe dọa. Trong những xã hội

truyền thống ở Java, rất khó trong việc thay đổi các phong tục tập quán và trong việc ép các chúa đất phải nhường một phần đất đai tổ tiên cho quốc gia. Rồi thì, cũng theo truyền thống, các tai họa do thiên nhiên gây ra ở từng vùng riêng biệt, như hạn hán, dịch bệnh, động đất, núi lửa phun trào... đều được quy nguyên nhân cho sự giận dữ của thần linh hoặc tổ tiên. Các tài liệu đã cho biết, ít nhất là đã có tới năm lần phun trào lớn của núi lửa đã xảy ra trong vòng một thời gian ngắn. Núi lửa phun đã chôn vùi các Kraton, các làng quê và các đền miếu. Các tài liệu, ví dụ bài minh văn năm 908 (thời trị vì của vua Balitung) cho biết Rakai của Trung Java đã phải chịu một sức ép xã hội rất lớn. Cũng bài minh (bài hiến chương) trên còn nói rằng, (có thể là vào khoảng những năm 884 và 898), hai vị thủ lĩnh địa phương đã phải rời bỏ Kraton của mình trong cùng một năm; vị thứ ba, sau tám năm, đã phải bỏ chạy khỏi nơi ở của mình; và, vị thứ tư thì bị giết ngay trong năm đầu nắm quyền. Các vua và các Rakai của họ có thể đã cảm thấy bị dồn vào chân tường và mất hết hy vọng khi phải đối mặt với những thảm họa do thiên nhiên gây ra. Và, chỉ sau đó ít lâu, di dân đã trở thành giải pháp sống còn duy nhất.

Vật trở ngại chính mà các thủ lĩnh phải đối mặt, có thể là đến từ những người kế vị của Gajayna, con trai của vua Devasimha, người thiết lập cơ sở ở vùng Malang và dường như đã đòi hỏi một cái gì đó giống như quyền hành gì đó về đạo đức vốn dĩ là quyền thừa kế từ những thủ lĩnh Chopo trước đó. Điều này được thể hiện rõ vào thời trị vì của vua Balitung, người kế vị thứ sáu của Rakai Pikatan.

Vấn đề được giải quyết bằng việc thống nhất các dòng tộc Java lại dưới cái ô của vua Trung Java. Quá trình thống nhất này được thể hiện qua hai bia ký. Trong bia ký thứ nhất (khắc năm 891), Rakryan của Kanuhuran đã tự lập ra thái ấp và được coi là một chúa đất độc lập. Trong bia ký thứ hai, khắc năm 915, thì vị Rakryan trên đã nhận được sự cho phép đầu tiên của Maharaja Daksa để lập một thái ấp. Rõ ràng, trong bia ký thứ hai, vị Rakryan đã là chư hầu của vua Mataram.

Như vậy là, theo các tài liệu bia ký, sự hoà nhập có thể đã hoàn thành vào khoảng thời gian từ năm 891 đến năm 915. Khi mà Daksa vừa lên ngôi vào quãng năm 913, thì sự hoà nhập của Đông Java vào Mataram đã được bậc tiền bối là vua Balitung hoàn thành. Việc hoà nhập này, theo các nhà nghiên cứu, có thể là đã đạt tới đỉnh cao, vì rằng, trong thế kỷ sau đó, vị trí cao nhất trong triều đình trung ương, theo truyền thống, vẫn thuộc về Rakryan của Kanuhuran, hậu duệ trực tiếp của Devasimha⁽⁸⁾. Trên cơ sở các tài liệu khác nhau, các nhà nghiên cứu cho rằng, vua Balitung của Trung Java đã lấy công chúa của Đông Java. Cuộc hôn nhân này đã hoà nhập hai khu vực Trung và Đông Java vào một khối. Trong khoảng thời gian từ 901 đến 910, Balitung đã để lại khá nhiều bia ký ở cả Trung và Đông Java. Trong các bia ký này, Balitung được gọi là Rakai Watukura ở Đông Java và được gọi là Sri Icvarakecava Utsavatunga ở Trung Java. Như vậy là, quyền lực của dòng tộc Sanjaya giờ đây đã được củng cố mạnh mẽ và chắc chắn trong tất cả giới quý tộc của khu vực.

Vị Rakryan trong các bia ký

Kanuhuran đã được minh hoạ thêm là, trong khi vẫn có những thái ấp của riêng mình, nhưng các Rakryan độc lập lại vẫn là các chư hầu của Mandala; và đặc ân này được dành riêng cho vua. Chính sự thay đổi của đặc ân này đã ít nhiều minh hoạ cho sự phát triển rất đặc trưng về tổ chức hành chính của các quốc gia cổ trên đảo Java. Trong khi những luận thuyết Ấn Độ chỉ ra rằng sử dụng sức mạnh là cách tốt nhất để bóp nặn các tài nguyên và làm yếu các chư hầu; thì các vua Java lại có những cách thức khôn khéo và hoà bình hơn để vô hiệu hoá những chư hầu ngỗ nghịch và tiềm tàng nguy hiểm của mình. Các vua Java đã phát triển chính sách lễ nghi để vừa thu được những lợi ích từ các chư hầu yếu của mình và vừa củng cố và hợp pháp hoá sức mạnh cho họ. Chính sách này được áp dụng thông qua hai công cụ khác nhau. Công cụ thứ nhất là khuyến khích mô hình biếu tặng/ phân phối lại. Đối với người Ấn Độ, việc biếu tặng này chỉ để cho các thầy Bàlamôn; còn đối với các vua Java thì việc biếu tặng dành cho cả những vị chúa tể lẫn các thân dân. Các bia ký nói nhiều tới việc các Rakryan biếu tặng không chỉ cho vị chúa tể mà còn cho những người nhà quê cao tuổi và thân dân của mình vào những dịp lễ hội và những lúc khánh thành các công trình tôn giáo. Công cụ thứ hai là việc các vua cho lập ra những lãnh địa điền trang của tôn giáo để dâng cúng cho các đền thờ hay tu viện. Các lãnh địa này cùng các làng quê trong lãnh địa được miễn trừ mọi thuế khoá và nghĩa vụ⁽⁹⁾.

Trở lại với những sự kiện lịch sử. Các tài liệu cho biết, sau khi Balitung mất, là một thời kỳ trị vì ngắn của một người

thuộc dòng tộc Sanjaya. Người đó vốn là một trong những vị quan đầu triều của Balitung tên là Daksa (hay còn được gọi với các tước hiệu Rakryan Mahamantri và Rakryan Mahapatih I Hino). Được sự ủng hộ của các chúa đất lớn, Daksa đã lên ngôi vua Mataram vào khoảng năm 913. Trong một bia ký (bia ký Timbanan Wungkal năm 913 ở Trung Java), Daksa xuất hiện với vương hiệu là Sri Maharaja Daksottama Bhubajra Pratipaksaksaya. Thời gian trị vì của Daksa chỉ kéo dài được khoảng từ ba đến chín năm. Kế vị Daksa là Tulodong, con trai của Balitung. Vị vua mới lên ngôi vào khoảng những năm 919 và 921 và có vương hiệu là Rakai Layang. Chúa tể Tulodong, Sri Sajjanasanmatanuraga-tungadeva (hậu tố tungadeva chứng tỏ vị tân quân không phải là con trai của Daksa mà là của Balitung).

Trong thời kỳ trị vì của Tulodong, nổi bật lên một vị quan trẻ tuổi tài ba tên là Rakai Halu, vị chúa tể Sindok. Các tài liệu cho biết, Sindok chính là cháu trai của Daksa.

Sau khi Tulodong mất, một quý tộc tên là Wawa lên ngôi vua và trị vì từ năm 924 đến năm 928. Vương hiệu của vị tân quân này là Rakai Sumba (hay Pangkaja), vị chúa tể Wawa Sri Vijayalokanamottunga. Các bia ký của Wawa cho biết, vào thời này, Sindok vẫn còn làm quan trong triều, nhưng đã là vị quan đầu triều. Cũng các bia ký của Wawa cho biết, trong thời ông trị vì, trung tâm quyền lực đã chuyển về Đông Java. Vào năm 929, Wawa đã từ bỏ ngai vàng để đi ở ẩn với tên gọi là Vagisvara.

Sindok đã lên ngôi vua với vương hiệu

là Sri Isana Vikrama Dharmotunga và trở thành người kế vị của Wawa. Có thể tin rằng, Sindok là một vị vua hùng mạnh. Vì đã làm quan to dưới hai triều vua liên tiếp, nên khi nắm quyền, Sindok đã có thể vươn quyền uy của mình ra cả vương quốc. Chỉ dụ hoàng gia đầu tiên mà đức vua Sindok ban ra đã được tìm thấy ở Gulung (Singosari) và có niên đại năm 929. Tất cả các chỉ dụ tiếp sau của Sindok chỉ được tìm thấy ở Đông Java: tại Gresik, Singosari, Mojokerto, Tanggung, Lawajati, Gading, Gunung Kawi... Sự phân bố của các tài liệu bia ký đã chứng tỏ một điều là, vào thời trị vì của Sindok, trung tâm nhà nước đã hoàn toàn chuyển hẳn đến Đông Java. Đô thành của nhà vua nằm ở khoảng giữa Gresik và Singosari, tại một nơi chưa xác định được gần cửa sông Brantas.

Cùng với việc chuyển đô là cả một cuộc di dân lớn từ Trung Java sang Đông Java. Kết quả là, Trung Java bước vào thời suy thoái, và tất cả những cơ sở và những công trình tôn giáo đã bị bỏ và dần dần bị núi lửa chôn vùi. Giờ đây, tất cả những công trình và cơ sở tôn giáo được xây dựng ở Đông Java chứ không phải ở Trung Java nữa. Và, cuộc dời đô chiến lược này đã mở ra cả một kỷ nguyên mới cho những người kế nghiệp của Balitung. Từ nay trở đi, các vua Java có điều kiện bành trướng ra cả vùng quần đảo rộng lớn (nay là Indônêxia).

Mặc dầu là cháu nội của vua Daksa, Sindok luôn được coi là người sáng lập ra vương triều ở Đông Java với vương hiệu là Isana. Thế nhưng, cho đến nay, nhiều nhà sử học đã nhất trí cho rằng không có thời kỳ "Isana" trong lịch sử Java. Đúng

là khi lên ngôi, Sindok đã chọn cái tên tấn phong là Isana, thế nhưng, hầu như không có sự thay đổi gì trong thế thứ dòng tộc của các vua Đông Java. Vì là hậu duệ trực tiếp của Daksa, cho nên, Sindok cũng là hậu duệ xa của dòng tộc Sanjaya. Và, sự kế tiếp mang tính dòng tộc giữa các vua Trung Java và Đông Java là có thực. Còn cái tên "Isana", theo các nhà khoa học chỉ thuần túy là một dấu hiệu ghi nhận để chỉ thời kỳ trị vì của bốn vị vua: Sindok, con gái Sindok là Sri Isana Tunggalvijaya, cháu nội Sindok là Makutavamsa Vardhana và Dharmavamsa và để chỉ thời kỳ đô thành của vương quốc nằm ở cùng một nơi trên vùng đồng bằng sông Brantas.

Các bia ký cho biết, Sindok là vị vua yêu thích và khuyến khích văn học phát triển. Vào thời ông trị vì, lần đầu tiên tác phẩm Ramayana được dịch sang tiếng Java. Dù theo Hindu giáo, Sindok lại khoan dung với Phật giáo và cho phép biên dịch tác phẩm nổi tiếng Sang Hyang Kamahayanikan của đạo Phật. Thời kỳ trị vì của Sindok đã đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử đảo Java. Sindok có thể được coi là vị vua đặt nền móng cho quá trình bành trướng của người Java ra toàn vùng quần đảo.

Sau một thời gian dài trị vì, vào năm 948, Sindok mất và, vì không có con trai, người con gái tên là Sri Isana Tunggalvijaya lên ngôi làm nữ hoàng. Bia ký tìm thấy ở Silet có niên đại năm 1019 còn cho biết, nữ hoàng lấy một hoàng tử tên là Lokapala và sinh ra người con trai tên là Makutavamsa Vardhana. Các tài liệu hầu như không cho biết gì thêm về thời trị vì của nữ hoàng Sri Isana Tunggalvijaya

và của con trai bà. Thế nhưng, rõ ràng là, thời kỳ này khá dài và là thời kỳ đất nước hoà bình và hưng thịnh.

Các tài liệu bia ký cho biết Makutavamsa Vardhana đã mở rộng ảnh hưởng của người Java xa hơn về phía đông tới tận đảo Bali. Những mối quan hệ giao thương giữa hai hòn đảo láng giềng này đã diễn ra thường xuyên, hữu hảo và liên tục từ xa xưa, và, hai bên đều coi nhau là những láng giềng độc lập. Thái độ hoà bình của các vua Isana đối với Bali đã đạt tới đỉnh điểm vào năm 989 với việc cô con gái Mahendradatta của Makutavamsa đã được gả cho vua Udayana của Bali. Sự kiện này là khởi đầu cho sự hoà nhập ở tầm vóc quốc gia giữa hai cộng đồng xã hội Java và Bali. Sự liên kết này đã ngày một phát triển, và, đã khai hoa kết trái vào năm 1001, khi hoàng hậu Mahendradatta sinh hạ hoàng tử Airlangga. Đến cuối thời trị vì của Makutavamsa Vardhana, vương quốc Isana đã đạt tới tột đỉnh hưng thịnh và đã có ảnh hưởng lớn đến cả một vùng đảo rộng lớn kéo dài từ Nam Sumatra đến tận Bali. Đến năm 990, một người họ hàng thân thuộc của Makutavamsa (có thể là con trai hoặc con rể) đã lên ngôi vua với vương hiệu là Dharmavamsa Teguh Anantavikrama.

Do được hưởng tất cả những thành quả của những bậc tiền bối, Dharmavamsa, vị vua Isana cuối cùng, cảm thấy mình đã đủ mạnh và có thể đối địch được với Srivijaya. Và, vị vua cuối cùng này của Isana đã phạm một sai lầm nghiêm trọng mang tính định mệnh là dám tấn công Srivijaya. Các sử liệu Trung Quốc (những thông báo của các sứ đoàn Srivijaya) cho biết là, vào năm 990, Dharmavamsa đã

mở đầu cuộc viễn chinh tàn phá chống lại Palembang. Tuy chiếm được Palembang, nhưng, sau khi thoát khỏi cuộc tấn công đầu tiên này của Java, vua Culamanivarmadeva đã tập hợp các chư hầu lại và mở một chiến dịch ngoại giao lớn nhằm nhận được sự ủng hộ của Trung Quốc và nhà nước Chola (ở Ấn Độ). Khi mọi việc đã hoàn tất, Srivijaya không chỉ chiếm lại được Palembang mà còn tàn phá tất cả các thuộc địa của Java ở eo biển Sunda.

Danh tiếng của Dharmavamsa đã bị tiêu tan sau thất bại trên. Ông đã mất những quyền uy mà mình có được vào buổi đầu trị vì. Rồi thì, không ít những lãnh chúa, như Wunawari, Bhismaprabhava và Vijaya đã bắt đầu có âm mưu chống lại Dharmavamsa. Và, được sự hỗ trợ của vua Srivijaya là Culamanivarmadeva, Wunawami đã nổi dậy công khai chống lại Dharmavamsa.

Như những vị vua trước đây, Dharmavamsa đã cố trấn an sự bất bình của các chư hầu bằng việc tạo ra các liên minh mới và củng cố các mối quan hệ hôn nhân. Kết quả là, Dharmavamsa luôn bận rộn với những việc tổ chức cưới xin cho con cháu của mình với con cháu các gia đình thủ lĩnh láng giềng. Và, một buổi đám cưới đã trở thành đám tang cho cả vương tộc Sanjaya. Sự việc bi thảm đó xảy ra vào năm 1006, khi đang diễn ra một đám cưới của hoàng gia. Được sự giúp sức của lính đánh thuê Srivijaya, nhân khi cả triều đình bận rộn trong đám cưới, Wunawari đã nhân tâm tấn công vào kinh đô của Dharmavamsa. Vì bị bất ngờ, nên đám cưới đã bị nhấn chìm trong máu: toàn bộ hoàng tộc Java bị giết và kinh thành bị

phá huỷ hoàn toàn. Chỉ một người trong những vị khách là thoát chết. Người đó chính là Airlangga, người con trai cả của vua Bali Udayana và công chúa Mahendradatta, con gái vua Isana Makutavamsa.

Sau cuộc tàn sát trên, Đông Java bước vào thời kỳ hỗn loạn. Cả vương quốc bị tan vụn ra thành nhiều lãnh địa. Các lãnh địa lại luôn gây hấn với nhau để giành quyền thống lĩnh. Trong khi đó, thì chàng hoàng tử trẻ tuổi Airlangga lại tìm được nơi ẩn náu trong cộng đồng những thầy tu khổ hạnh trong vùng rừng núi Vanagiri. Airlangga sống với cả thầy tu khổ hạnh của đạo Siva này bốn năm. Vào năm 1010, một số nhân sĩ và các vị Bàlamôn đã lên núi mời vị hoàng tử về nối ngôi bố vợ. Sở dĩ họ mời Airlangga là vì chàng hoàng tử là cháu trai của Makutavamsa và là hậu duệ của Sindok. Còn nếu ngược về xa hơn nữa, thì Airlangga chính là hậu duệ xa, nhưng trực tiếp của vương tộc Sanjaya. Airlangga chấp nhận đề nghị của những vị đại diện cho dân chúng và đã lên ngôi vua với vương hiệu Sri Maharaja Rakai Halu Sri Lokesvara Dharmavamsa Airlangga Anantavikramottungadeva.

Lúc đầu, quyền uy của Airlangga chỉ có được trong một lãnh vực nhỏ nằm giữa Surabaya và Parusuan. Chỉ mười năm sau đó, vị tân quân mới khôi phục được lãnh địa cũ của vương triều Mataram ở Đông Java. Sau khi đã phục hồi lại được quyền lực, Airlangga bắt đầu những cuộc viễn chinh mở rộng lãnh thổ. Năm 1028, ông tấn công thủ lĩnh Bhismaprabhava; năm 1030, ông tấn công thủ lĩnh Wengker; năm 1031, ông đánh bại chúa đất Adhamapaduna; năm 1032, ông tiến

đánh nữ hoàng cai trị Nam Sumatra... Airlangga lập thủ đô Kahuripan của mình trên hai bờ của dòng sông Brantas và mở rộng hải cảng Hujung Galuh ở nơi cửa sông Brantas. Và để giữ quan hệ tốt với Srivijaya, vua Airlangga đã lấy con gái vua nước này làm vợ.

Nhờ có quyền lực tập trung trong tay, nhờ có tiềm lực kinh tế mạnh, Airlangga đã củng cố được những mạng lưới thủy lợi lớn để phát triển nông nghiệp lúa nước. Ông đã cho đắp hai con đê lớn, một việc mà các vua trước đó ở Trung và Đông Java không thể làm được. Như vậy là, nếu so với các tiền bối của mình ở Trung và Đông Java, Airlangga đã có một vai trò lớn hơn và thực sự trở thành thủ lĩnh kinh tế kiểm soát cả hai lĩnh vực chính là nông nghiệp và thương mại chứ không chỉ thuần túy có vai trò thủ lĩnh về tinh thần như các vua Sailendra.

Dưới thời Đông Java, đặc biệt là vào thời kỳ trị vì của Airlangga, các mặt văn hoá và nghệ thuật của Java đã chuyển sang một bước ngoặt mới. Từ nay, các vua chúa Java cởi mở hơn chứ không nhất thiết phải theo một tôn giáo nào; các trí thức Java không chỉ học Ấn Độ qua sách vở và chữ viết Ấn Độ mà đã biên soạn và dịch các tác phẩm gốc sang tiếng mẹ đẻ của mình. Các bia ký của Airlangga cho biết, cả ba giáo phái là Saiva (Siva giáo), Sogata (Phật giáo) và Rishi (giáo phái khổ hạnh) đều có mặt và phát triển ở Java.

Triều đại Airlangga là thời kỳ phát triển rực rỡ của văn học Java. Nhiều tác phẩm văn học và kinh điển tôn giáo của Ấn Độ đã được dịch và biên soạn ra tiếng Java. Đặc biệt, vào thời kỳ này, xuất hiện một thi sĩ bản xứ nổi tiếng- nhà thơ

Karva. Ông đã sáng tác vào năm 1035 tác phẩm thi ca đặc sắc: Cuộc hôn nhân của Arjuna (Arjunavihara) ca ngợi cuộc tình duyên giữa vua Airlangga và công chúa đảo Sumatra.

Trước khi mất, Airlangga đã chia đôi đất nước của mình thành hai vương quốc Janggala và Panjalu. Các nhà khoa học giải thích, vì không có con với chính cung, Airlangga buộc phải chia đất nước cho hai người con trai của hai thứ phi để đề phòng sự tranh chấp giữa chúng với nhau sau khi ông mất. Năm 1049, Airlangga chết và được mai táng ở một nơi gọi là "hồ Belahan" ở sườn phía đông núi Penanggungan. Sau khi Airlangga qua đời, các sử liệu hầu như không nói gì tới Java cả. Chỉ đến cuối thế kỷ XI và đầu thế kỷ XII, Java mới xuất hiện trở lại trong các tài liệu bia ký và sử sách Trung Quốc. Thế nhưng, từ thời điểm này trở đi, chỉ cái tên Kediri (hay Panjalu) hay vương quốc Kediri là hay được nhắc đến⁽¹⁰⁾.

Do nằm ở nơi chốn là Kraton (hoàng cung) cũ của Airlangga, nên, thoát đầ, Janggala đã có những phát triển hơn hẳn Panjalu. Thế nhưng, dù có những ưu thế như vậy, Janggala lại hầu như không để lại một tài liệu hay một bia ký nào. Đến nay, người ta chỉ biết đến Janggala qua những cái tên: Garasakan, Alanjung Ahyes, Samarotsaha và một số tên các công chúa lấy các vua Panjalu. Việc vắng bóng các tài liệu thành văn chứng tỏ Janggala, như một thể chế chính trị, chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Tác phẩm "*những câu chuyện Panji*", được sáng tác vào kỷ nguyên này, có nói đến bốn quốc gia tên là Kuripan, Gegelang, Daha và Singosari do bốn anh em cai trị luân cạnh

tranh với nhau. Cũng tài liệu này khẳng định, trong khi Daha (Kediri) còn giữ được toàn vẹn lãnh thổ, thì Janggala bị vỡ ra thành ba tiểu quốc: Kahuripan, Singosari và Geletang. Theo bia ký Turung Hyan khắc năm 1044, sau khi Airlangga qua đời, người con trai của ông, giờ đã là Maharaja Mapanji Garasakan (mẹ là công chúa Bali) của Janggala, đã gây chiến và đánh nhau với người anh em cùng cha khác mẹ của mình là Samarawijaya, vua của Panjalu. Vào khoảng năm 1052, Garasakan bị một người anh em cùng cha khác mẹ khác tên là Mapanji Alanjung Ahyes truất ngôi vua Janggala. Vào khoảng những năm 1052 - 1059, vị tân vương này của Janggala lại bị người con út của Airlangga tên là Samarotsaha thay thế. Ngoài những thông tin trên, chúng ta không biết gì thêm về những sự kiện lịch sử khác của Java. Chỉ một bia ký có niên đại 1059 tìm thấy ở Sumengka là cho biết về tên một vị vua cai trị Đông Java tên là Sri Maharaja Samarotsha Karnnakesana Ratnasangkha Kirtisingha Jayantakatunggadeva. Vị vua tiếp sau cai trị Đông Java có tên là Bamesvara (1117- 1130). Bia ký của vị vua này cho biết, những vị vua cai quản Đông Java chính là những thủ lĩnh của Kediri (Daha, Panjalu). Bamesvara cai trị Kediri và đã phái hai sứ đoàn đến Trung Quốc vào năm 1129 và 1132. Vị vua này đã lấy công chúa của Janggala. Điều này chứng tỏ Bamesvara đã bắt đầu thống nhất miền Đông Java. Vào năm 1135, vị vua mới của Kediri tên là Sri Maharaja Sang Jayabhaya được nhắc tới trong một bia ký tìm thấy ở Batang. Dưới thời trị vì của Jayabhaya, vương quốc Kediri phát triển đến đỉnh điểm. Vào thời này, nền văn học

Java khá hưng thịnh: hai tác phẩm lớn của Ấn Độ là Mahabharata và Bharatayuddha được dịch sang tiếng Java, nhiều tác phẩm thơ ca cổ điển được sáng tác... Jayabhaya trị vì quốc gia trong một thời gian dài và, như Airlangga, sau khi chết, được thần dân tấn phong như một hoá thân của vị thần tối thượng Visnu.

Sau khi Jayabhaya mất, ngôi báu của Kediri được truyền cho một số vị vua mà các nguồn tư liệu cho biết rất ít. Các vị vua đó là: Sarmesvara (trị vì vào những năm 1159- 1161); Aryesvara (được nhắc tới trong hai bia ký có niên đại từ 1169 đến 1171); Kroncharyadipa hay còn được gọi là Gandra (được biết là có trị vì vào năm 1181); Kamvesvara (trị vì vào các năm 1182- 1185) và vị vua cuối cùng của Kediri là Sringa, hay còn được gọi là Kertajaya (vị vua này đã để lại các bia ký có niên đại từ năm 1194 đến 1205). Dù rằng nhiều lĩnh vực của kinh tế và văn hoá vẫn còn rất phát triển, nhưng vào thời trị vì của Kertajaya, đã nổ ra nhiều cuộc nổi dậy, mà trong đó, lớn nhất và nghiêm trọng nhất là cuộc nổi dậy của Ken Anggrok., vị thủ lĩnh của Tumapel (một đô thị nằm gần Singosari). Angrok đã tấn công Kediri và đã đánh bại Kediri vào năm 1222. Với sự kiện này, đã chấm dứt sự tồn tại lâu dài của vương tộc Sanjaya và đã mở ra một thời kỳ mới của một dòng tộc mới: thời kỳ của vương quốc Singosari và của dòng tộc của Ken Anggrok, người sáng lập ra triều đại Rajasa⁽¹¹⁾.

* *

*

Xuất thân từ một lãnh chúa địa

phương, Sanjaya đã đưa dòng tộc của mình trở thành một hoàng tộc trị vì ở Java trong suốt gần năm thế kỷ. Thoạt đầu, trong hơn một trăm năm, từ năm 732 đến 838 (qua bốn thế hệ thủ lĩnh), các lãnh chúa dòng Sanjaya cai quản lãnh địa của mình trong khuôn khổ của Mandala Shailendra. Thế rồi, từ năm 838, bắt đầu từ Rakai Pikatan, dòng tộc Sanjaya bắt đầu thực sự cai quản Trung Java và Đông Java. Thời kỳ cai quản Java của vương triều Sanjaya có thể được phân ra ba giai đoạn: giai đoạn Mataram kéo dài từ năm 838 đến năm 928 và trải qua 10 đời vua; giai đoạn Isana bắt đầu từ thời vua Sindok (trị vì: 928- 948) đến khi Airlangga lên ngôi vua Đông Java (năm 1010) và trải qua bốn đời vua; giai đoạn vương quốc của Airlangga và vương quốc Kediri từ năm 1010 đến 1205 và trải qua hơn chục đời vua.

Có thể thấy, vương triều Sanjaya không chỉ là vương triều bản xứ hùng mạnh đầu tiên ở Java, mà còn do người Java sáng lập nên. Trong gần năm trăm năm trị vì, các vua của dòng tộc Sanjaya không chỉ lần đầu tiên đưa ảnh hưởng của Java ra toàn Java và cả vùng quần đảo, mà còn đặt những cơ sở nền móng vững chắc và lâu bền cho sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của Java nói riêng và của cả vùng quần đảo nói chung.

Giờ đây, dù lịch sử đã qua từ rất lâu rồi, nhưng những di sản mà dòng tộc Sanjaya đã để lại cho đất nước Indônêxia, khu vực Đông Nam Á và cả nhân loại thật to lớn. Ngoài công trình kiến trúc tôn giáo vĩ đại Prambanan, di sản văn hoá thế giới, nhiều giá trị văn hoá nổi tiếng khác của Indônêxia hôm nay, như các đền tháp

Hindu giáo ở Đông Java, các tác phẩm văn học cổ điển chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, những loại hình sân khấu đặc sắc mà tiêu biểu là sân khấu Wayang (trong đó Wayang kulit hay rối bóng của Indônêxia đã được công nhận là di sản văn hoá của thế giới) cũng đều ra đời vào thời kỳ Sanjaya này./.

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo: Kenneth R. Hall, *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu, 1985, tr.119.
2. Sarkar, H. B. *Corpus of the Inscriptions of Java (up to 928 AD.)*. 2 vols, Calcutta, 1971- 1972; I, tr.25-33
3. 4. Xem: Paul Michel Munoz, *Early Kingdoms of the Indonesian Archipelago and the Malay Peninsula*, Singapore, 2006, tr.228-230.
5. H.Kulke, *Epigraphical References to the City and the State in Early Indonesia*, Indonesia Journal, 52,1991, tr.17.
6. Xem: Ph. Subroto, *Ratu Boko*, Indonesian Heritage, Vol.1, 1996.
7. Xem: J.W. Christie, *State without Cities: demographic trends in early Java*, 1991, tr.26
8. H.Kulke, *Epigraphical References to the City and the State in Early Indonesia*, Sdd, 52, 1991, tr.15-16.
9. Xem: H.Kulke, *Early States Formation and Ritual Policy in East Java*, Selected papers of the Eighth Conference, International Association of Historians of Asia, Kuala Lumpur, 1980, tr.347-362.
- 10, 11. Về thời kỳ Isana, triều đại Airlangga và Kediri, có thể xem: Paul Michel Munoz, *Early Kingdoms...*, Sdd. tr.239-254.